TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:35/2023/HS-ST
Ngày 28-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH –TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Xuân Trường

2. Ông Lục Văn Khai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Huy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2023/TLST-HS, ngày 20 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Mạnh D (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 03 tháng 12 năm 1984, tại huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1961; Con bà: Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1964; Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982 (đã ly hôn năm 2010); Vợ: Nhữ H, sinh năm 1999; Con: 04 con (Con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2022); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26-8-2016 bị Trưởng Công an huyện Y, tinh Y xử phạt 750.000 đồng về hành vi "Dùng ông điếu hút thuốc lào đánh vào người chị Phạm Thị P, xảy ra tại thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái"; Ngày 09-02-2018 bị Trưởng Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 750.000 đồng về hành vi

"Sử dụng trái phép chất ma túy"; Ngày 29-12-2016 bị Trưởng Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái xử phạt" 500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Các lần xử phạt vi phạm hành chính đều đã chấp hành xong).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 08-9-2023 đến ngày 14-9-2023 được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Anh T2 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày16 tháng 7 năm 1983 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu A, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đức T3, sinh năm 1955; Con bà: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961; Vợ: Nguyễn Phương T4, sinh năm 1987 (đã ly hôn năm 2017) Vợ: Lê Thị Kiều T5, sinh năm 1992; Con: 03 con (Con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh tháng 10/2023); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ kể từ ngày 08-9-2023 đến ngày 14-9-2023 được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.Anh Đỗ Hồng N; Địa chỉ: Khu G, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt;

2.Anh Nguyễn Văn H2; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái; có đơn xin xét xử vắng mặt;

3.Chị Phạm Thúy Q; Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Hà M; Địa chỉ: Tổ C, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với Nguyễn Mạnh D:

1.1 Về vệc cho anh Đỗ Hồng N vay tiền*: Từ 23/10/2022 đến 06/9/2023, tại xã Đ, huyện Y vì mục đích thu lợi bất chính nên Nguyễn Mạnh D đã 02 lần cho anh Đỗ Hồng N vay tiền với lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao*

nhất mà Bộ luật Dân sự quy định, cụ thể:

- *Lần thứ nhất*: Ngày 23/10/2022, Nguyễn Mạnh D cho anh Đỗ Hồng N vay 30.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc.

Từ ngày 23/10/2022 đến ngày 10/02/2023 (tương ứng với 111 ngày), anh N đã trả cho D 33.200.000 đồng tiền lãi (D bớt cho 100.000 đồng). Tổng số tiền lãi mà D được hưởng tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là: (20%:365 ngày) x 30.000.000 đ x 111 ngày = 1.824.657 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 33.200.000 đồng – 1.824.657 đồng = 31.375.343 đồng.

Đến ngày 11/02/2023 do anh N không có đủ khả năng trả lãi nên D yêu cầu N trả hết số tiền gốc cho D.

Đến ngày 04/3/2023, anh N đã trả được cho D 26.000.000 đồng tiền gốc. Còn lại 4.000.000 đồng tiền gốc, từ ngày 28/02/2023 đến ngày 16/5/2023 (79 ngày), tổng số tiền lãi thực tế D đã thu của N là: 3.150.000 đồng (D bớt cho anh N 10.000 đồng). Tổng số tiền lãi mà D được hưởng tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là: (20% : 365 ngày) x 4.000.000 đ x 79 ngày =173.150 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.150.000 đồng – 173.150 đồng = 2.976.850 đồng.

Số tiền gốc 4.000.000 đồng, anh N đã trả cho D

* Tổng số tiền thu lợi bất chính của D từ việc cho anh N vay khoản tiền 30.000.000 đồng là: 31.375.343 đồng + 2.976.850 đồng = 34.352.193 đồng.

- *Lần thứ hai*:

+) Ngày 26/5/2023, Nguyễn Mạnh D cho anh N vay 10.000.000 đồng. Do trước đó anh N còn nợ D số tiền 1.200.000 đồng nên khi cho vay D khấu trừ 1.200.000 đồng và chỉ chuyển 8.800.000 đồng. Từ ngày 26/5/2023 đến ngày 05/6/2023 (11 ngày) số tiền lãi theo thỏa thuận, anh N phải trả cho D là 1.100.000 đồng nhưng anh N mới trả được 800.000 đồng; còn nợ 300.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà D được hưởng tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 60.273 đồng. Số tiền D đã thu lợi bất chính là 800.000 đồng - 60.273 đồng = 739.727 đồng.

+) Đến ngày 05/6/2023, D cho N vay thêm 10.000.000 đồng, nhưng do N còn nợ tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng (vay ngày 26/5/2023) là 300.000 đồng nên ngày 05/6/2023, khi cho vay tiền, D đã khấu trừ 300.000 đồng tiền nợ đó của N và D chỉ chuyển 9.700.000 đồng.

Từ ngày 05/6/2023, gộp hai khoản tiền vay trên, D tính tiền gốc Nhiên vay là 20.000.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 06/6/2023 đến ngày 30/8/2023 là 86 ngày, D đã thu của anh N số tiền 17.200.000 đồng; số tiền D được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là: 19.700.000 đ x 20%/365 ngày x 86 ngày = 928.328,767 đồng; số tiền D thu lời bất chính là: 17.200.000đ - 928.328,767 đ= 16.271.500 đồng (làm tròn số).

Tổng số tiền thu lợi bất chính của D từ việc cho anh N vay tiền nêu trên (từ ngày 26/5/2023 đến ngày 30/8/2023) là: 739.727 đồng + 16.271.500 đồng = 17.011.227 đồng.

* Tổng số tiền thu lời bất chính D thu của anh N qua hai lần cho vay trên là: 34.352.193 đồng + 17.011.227 đồng = 51.363.420 đồng.

Anh Đỗ Hồng N chưa trả Nguyễn Mạnh D số tiền gốc 19.700.000 đồng.

1.2. Về việc cho anh Nguyễn Văn H2 vay tiền:

- Ngày 17/8/2023, D cho anh H2 vay 2.000.000 đồng. Đến ngày 18/8/2023, anh H2 trả cho D 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi), tương ứng lãi suất 200.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là: 1.095 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 400.000 đồng – 1.095 đồng = 398.905 đồng.

- Ngày 19/8/2023, D cho anh H2 vay 2.000.000 đồng. Đến ngày 20/8/2023, H2 trả cho D 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi), tương ứng lãi suất 200.000 đồng/1.000.000/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.095 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 400.000 đồng – 1.095 đồng = 398.905 đồng.

- Ngày 21/8/2023, D cho anh H2 vay 2.000.000 đồng. Đến ngày 22/8/2023, H2 trả cho D 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi), tương ứng lãi suất 200.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.095 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 400.000 đồng – 1.095 đồng = 398.905 đồng.

- Ngày 22/8/2023, D cho anh H2 vay 1.000.000 đồng. Đến ngày 23/8/2023, anh H2 trả cho D 1.200.000 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi), tương ứng lãi suất 200.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 547 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 200.000 đồng – 547 đồng = 199.453 đồng.

- Ngày 23/8/2023, D cho anh H2 vay 2.000.000 đồng. Đến ngày 24/8/2023, anh H2 trả cho D 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi), tương ứng lãi suất 200.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.095 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 400.000 đồng – 1.095 đồng = 398.905 đồng.

- Ngày 26/8/2023, D cho anh H2 vay 2.000.000 đồng. Ngày 27/8/2023, H2 trả cho D 400.000 đồng tiền lãi; ngày 28/8/2023, anh H2 trả cho D 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi), tương ứng lãi suất 200.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày của cả khoản vay. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.191 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 800.000 đồng – 2.191 đồng = 797.809 đồng.

- Ngày 28/8/2023, D cho anh H2 vay 2.000.000 đồng. Đến ngày 29/8/2023, anh H2 trả cho D 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi) tương ứng lãi suất 200.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.095 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 400.000 đồng – 1.095 đồng = 398.905 đồng.

- Ngày 29/8/2023, D cho anh H2 vay 2.000.000 đồng. Đến ngày 31/8/2023, anh H2 trả cho D 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi), tương ứng lãi suất 100.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.191 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 400.000 đồng – 2.191 đồng = 397.809 đồng.

- Ngày 31/8/2023, D cho anh H2 vay 2.000.000 đồng. Đến ngày 01/9/2023, anh H2 trả cho D 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi), tương ứng lãi suất 200.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.095 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 400.000 đồng – 1.095 đồng = 398.905 đồng.

- Ngày 04/9/2023, D cho anh H2 vay 2.000.000 đồng. Ngày 05/9/2023, H2 trả cho D 200.000 đồng tiền lãi; ngày 06/9/2023, H2 trả cho D 2.400.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi), tương ứng lãi suất 100.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày của cả khoản vay. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.191 đồng. T6 lợi bất chính số tiền là: 600.000 đồng – 2.191 đồng = 597.809 đồng.

Như vậy, từ ngày 17/8/2023 đến ngày 06/9/2023, D sử dụng tổng số

19.000.000 đồng để cho anh Nguyễn Văn H2 vay; tổng số tiền lãi thu được là: 4.400.000 đồng. Số tiền lãi mà D được hưởng tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là: 13.690 đồng.

Tổng số tiền D thu lợi bất chính từ việc cho anh H2 vay là 4.400.000 đồng – 13.690 đồng = 4.386.310 đồng.

2. Đối với Trần Anh T2:

Trong thời gian từ 18/01/2023 đến 12/5/2023 Trần Anh T2 đã cho anh Đỗ Hồng N vay tiền lấy lãi xuất cao so với quy định của pháp luật cụ thể:

Ngày 18/01/2023, Trần Anh T2 cho anh N vay 30.000.000 đồng và thỏa thuận miệng mức lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc; Đến ngày 19/02/2023, T2 thu 9.000.000 đồng tiền lãi của anh N (trong đó, số tiền lãi được thu theo Bộ luật Dân sự là: 9.000.000đ x 20% : 365% = 493.150 đồng; số tiền lãi thu lời bất chính là: 8.506.849 đồng)

Sau đó, từ ngày 28/02/2023 đến ngày 01/3/2023, T2 tiếp tục cho anh N vay thêm tổng cộng là 26.000.000 đồng (ngày 28/02/2023, cho vay 10.000.000 đồng; ngày 01/3/2023 cho vay 16.000.000 đồng) và thỏa thuận mức lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Từ ngày 02/3/2023, T2 gộp các khoản tiền gốc mà N vay cộng với 4.000.000 đồng tiền lãi (của khoản vay 30.000.000 đồng) mà anh N nợ để thành tổng tiền gốc 60.000.000 đồng cho anh N vay với mức lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; riêng đối với các khoản gồm: 10.000.000 đồng cho vay ngày 28/02/2023 và 16.000.000 đồng cho vay ngày 01/3/2023 thì đến ngày 02/3/2023, T2 không thu tiền lãi.

Đến ngày 12/5/2023, T2 tính phải thu tiền lãi của anh N đối với khoản cho vay 60.000.000 đồng (thời gian vay từ ngày 02/3/2023 đến ngày 12/5/2023) là: 72 ngày x 600.000 đồng/01 ngày = 43.200.000 đồng và kể từ ngày 12/5/2023, T2 chốt lãi và không thu lãi suất đối với khoản vay của N.

Đối với việc trả tiền gốc vay: Từ ngày 21/4/2023 đến ngày 16/6/2023, do anh N đã trả cho T2 tổng cộng 59.000.000 đồng nên T2 trừ 59.000.000 đồng này vào khoản tiền gốc. Vì vậy, đến nay T2 chốt anh N còn nợ 1.000.000 đồng tiền gốc và 43.200.000 đồng tiền lãi. Như vậy:

- Từ ngày 18/01/2023 đến ngày 02/3/2023 (44 ngày): Tú thu của Nhiên 13.200.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi mà T2 được hưởng tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 723.287 đồng. Số tiền thu lợi

bất chính là: 13.200.000 đồng – 723.287 đồng = 12.476.713 đồng.

- Từ ngày 02/3/2023 đến ngày 12/5/2023 (72 ngày): T2 chốt sẽ thu tiền lãi là 43.200.000 đồng. Số tiền lãi mà T2 được hưởng tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là: 56.000.000 đ x 20%/365 ngày x 72 ngày = 2.209.315 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là: 43.200.000 đồng – 2.209.315 đồng = 40.991.000 đồng (làm tròn số)

Thời gian từ 03/7/2023 đến 01/8/2023 Trần Anh T2 đã cho chị Phạm Thúy Q vay tiền lấy lãi xuất cao so với quy định của pháp luật, cụ thể:

Ngày 03/7/2023, chị Q đã gọi điện hỏi vay T2 số tiền 45.000.000 đồng, T2 đã đưa ra lãi xuất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, chị Q đồng ý. Cùng ngày T2 mang tiền đến thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái đưa cho chị Q số tiền 45.000.000 triệu đồng.

Sau khi vay khoản tiền trên, nhiều lần chị Q đã thanh toán trả tiền lãi cho T2 bằng tiền mặt, với tổng số tiền là 17.300.000 đồng (trong đó, số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là: 17.300.000đ x 20% : 730% = 473.973 đồng; số tiền lãi thu lời bất chính là: 17.300.000 x 710% : 730% = 16.828.000 đồng -làm tròn số). Đến ngày 03/8/2023, T2 chốt số tiền gốc mà chị Q còn nợ là 45.000.000 đồng, tiền lãi chị Q còn nợ là 9.700.000 đồng (kể từ ngày 03/7/2023 đến ngày 01/8/2023, tức 30 ngày) và T2 không thu lãi suất của khoản vay với Q nữa.

Như vậy, từ ngày 03/7/2023 đến ngày 01/8/2023 (30 ngày): T2 sử dụng 45.000.000 đồng để cho Q vay và thu tổng số tiền lãi là: 27.000.000 đồng. Số tiền lãi mà T2 được hưởng tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 739.726 đồng. Số tiền T2 thu lợi bất chính từ việc cho chị Q vay là: 27.000.000 đồng – 739.726 đồng = 26.260.274 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Công an đã thu của Trần Anh T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 ProMax, số IMEI 359265384008419, bên trong lắp sim thuê bao số 0985016666; thu giữ của Nguyễn Mạnh D 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, số sêri W6RF76CXKR, số máy MLEF3LL/A, bên trong lắp sim thuê bao số 0985576682 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã quan sử dụng, số sêri 358645011411014 bên trong lắp sim thuê bao số 0975576682. Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại N1 cho D.

Cáo trạng số 76/CT-VKS-TP, ngày 72-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh D và Trần Anh T2 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình xác định lại tổng số tiền thu lời bất chính của Nguyễn Mạnh D đối với Đỗ Hồng N và Nguyễn Văn H2 là 55.749.730 đồng; tổng số tiền nhằm thu lời bất chính của Trần Anh T2 đối với Đỗ Hồng N và Phạm Thúy Q là: 79.727.987 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1.Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh D và Trần Anh T2 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2.Về hình phạt:

-Đối với Nguyễn Mạnh D: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Mạnh D từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm 6 tháng tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập của Nguyễn Mạnh D; Phạt bị cáo từ 70.000.000đồng đến 80.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với Trần Anh T2: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 15; Điều 35; Điều 57 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Trần Anh T2 từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

3.Về biện pháp tư pháp, vật chứng và án phí: Buộc các bị cáo phải nộp số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% để sung Ngân sách Nhà nước; buộc các bị cáo và những người vay tiền phải nộp số tiền gốc để sung Ngân sách Nhà nước; buộc Nguyễn Mạnh D phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho Đỗ Hồng N;Về xử lý vật chứng và tuyên án phí theo quy định;

Các bị cáo khai báo thành khẩn, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Y, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 23/10/2022 đến 06/9/2023 tại xã Đ, huyện Y tỉnh Yên Bái, Nguyễn Mạnh D đã cho anh Đỗ Hồng N vay tiền với mức lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) thu lời bất chính tổng số tiền 51.363.420 đồng; từ tháng 17/8/2023 đến 06/09/2023 D cho anh Nguyễn Văn H2 vay tiền với mức lãi suất từ 100.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 200.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất từ 3.650%/năm đến 7.300%/năm, gấp từ 182,5 lần đến 365 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) thu lời bất chính số tiền 4.386.310 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Mạnh D thu lời bất chính của anh N và anh H2 từ việc cho vay trên là: 55.749.730 đồng.

Trong thời gian từ 18/01/2023 đến 12/5/2023 tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái Trần Anh T2 đã cho anh Đỗ Hồng N vay tiền với mức lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01ngày (tương ứng với mức lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) nhằm thu lời bất chính của anh N số tiền 53.467.713 đồng (trong đó T2 đã thu được của anh N 8.506.849 đ); thời gian từ 03/7/2023 đến 01/8/2023 Trần Mạnh T7 đã cho chị Phạm Thúy Q vay tiền với mức lãi suất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 730%/năm, gấp 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) nhằm thu lời bất chính của chị Phạm Thúy Q số tiền 26.260.274 đồng, trong đó T7 đã thu được 16.826.000 đồng. Tổng số tiền Trần Anh T2 nhằm thu lợi bất chính của các lần cho N và Q vay lãi nặng là 79.727.987 đồng; số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu là của anh N và chị Q là 25.332.849 đồng.

Nguyễn Mạnh D và Trần Anh T2 đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố tình thực hiện. Hành vi của D và T2 xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích tài chính của công dân. Do đó, hành vi của Nguyễn Mạnh D và Trần Anh T2 đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Mạnh D đã 3 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi "Sử dụng dụng trái phép chất ma túy" và " Cố ý gây thương tích" đã chấp hành xong và được xóa tiền sự thể hiện D có nhân thân xấu, vì vậy, phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi đã gây ra cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Đối với Trần Anh T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp chưa đạt (Số tiền thu lời bất chính bị cáo đã chiếm đoat được của anh N và chị Q là 25.320.849 đồng dưới mức khởi điểm 30.000.000 đông tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự) nên cần áp dụng Điều 15, 57 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về biện pháp tư pháp:

[4.1] Số tiền gốc bị cáo Trần Anh T2 dùng và Nguyễn Mạnh D để cho vay là phương tiện phạm tội nên phải tịch thu sung quỹ nhà nước. Trong đó: Bị cáo T2 đã nhận 59.000.000 đồng từ anh Đỗ Hồng N; Nguyễn Mạnh D đã nhận 30.000.000 đồng từ anh Đỗ Hồng N và 19.000.000 đồng từ anh Nguyễn Văn H2 nên phải nộp lại số tiền này để sung ngân sách Nhà nước;

[4.2] Số tiền gốc mà Nguyễn Thúy Q1 chưa trả cho T2 là: 45.000.000đồng và số tiền gốc: 19.700.000 đồng Đỗ Hồng N chưa trả cho D cần buộc N, Q1 phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[4.3] Số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% bị cáo Trần Anh T2 và Nguyễn Mạnh D đã thu của người vay đây là tiền các bị cáo có được từ việc phạm tội nên bị tịch thu sang quỹ Nhà nước, cụ thể:

Trần Anh T2 đã thu của Đỗ Hồng N là 493.150 đồng (làm tròn số) và thu của Phạm Thúy Q là 473.973 đồng (làm tròn số); Nguyễn Mạnh D đã thu của Đỗ Hồng N là 3.000.000 đồng (làm tròn số) và thu của Nguyễn Văn H2 là 14.000 đồng (làm tròn số)

[4.4] Về số tiền các bị cáo thu lời bất chính là tiền các bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật của người vay nên cần buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay, cụ thể:

- Nguyễn Mạnh D phải trả cho anh Đỗ Hồng N là 51.364.00 đồng (làm tròn số)

-Nguyễn Mạnh D phải trả cho Nguyễn Văn H2 là 4.387.000 đồng (làm tròn số) nhưng H2 không yêu cầu D phải trả khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Số tiền bị cáo Trần Anh T2 phải trả Đỗ Hồng N là 8.506.849 đồng và Phạm Thúy Q là 16.826.000 đồng nhưng do anh N và chị Q không yêu cầu Trần Anh T2 phải trả khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]Về vật chứng:

Các vật chứng hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình: Điện thoại di động của Nguyễn Mạnh D và Trần Anh T2 là phương tiện sử dụng liên lạc cho vay lãi nặng nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Mạnh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền thu lời bất chính phải trả cho anh N và anh H2.

[7] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I.Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Anh T2, Nguyễn Mạnh D phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

II.Về hình phạt:

1. Nguyễn Mạnh D: Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 201; điểm i,s khoản

1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Phạt

Hình phạt chính: Phạt Nguyễn Mạnh D 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 08-9-2023 đến ngày 14-9-2023) quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành là: 01 (một) 11(mười một) tháng 12 ngày. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án; Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; Trường hợp Nguyễn Mạnh D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, Nguyễn Mạnh D phải thực hiện nghĩa vụ về cải tạo không giam giữ theo Luật Thi hành án hình sự, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Mạnh D 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2.Trần Anh T2: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 15; Điều 35, Điều 57 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Trần Anh T2 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

III. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự

1. Về số tiền các bị cáo đã thu được tương ứng với lãi suất 20%, các bị cáo phải nộp để sung quỹ Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Mạnh D phải nộp 3.014.000 đ (Ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng); bị cáo Trần Anh T2 phải nộp 967.123đ (Chín trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

2. Về số tiền gốc các bị cáo sử dụng để cho vay: Buộc Nguyễn Mạnh D, Trần Anh D1 và những người vay tiền của D1 và T2 phải nộp số tiền gốc đã vay để sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Nguyễn Mạnh D phải nộp số tiền 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng);

- Trần Anh T2 phải nộp số tiền 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng);

- Đỗ Hồng N phải nộp số tiền 19.700.000 đ (Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng);

- Phạm Thúy Q phải nộp số tiền 45.000.000 đ (Bốn mươi lăm triệu đồng);

3. Buộc Nguyễn Mạnh D phải trả khoản tiền thu lời bất chính cho Đỗ Hồng N với số tiền: 51.364.000đ (Năm mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng);

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

I.V Vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17-11-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái như sau:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, số sêri W6RF76CXKR, số máy MLEF3LL/A, bên trong lắp sim thuê bao số 0985576682 của Nguyễn Mạnh D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 ProMax, số IMEI 359265384008419, bên trong lắp sim thuê bao số 0985016666 của Trần Anh T2.

V. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* án phí hình sự sơ thẩm.

Nguyễn Mạnh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.568.200đ (Hai triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKS Yên Bình;
- Công an Yên Bình;
-Công an tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Đại Minh;
- THADS Yên Bình;
- Bị cáo (2); Người có QL&NV liên quan (3);
- Lưu HS, THA , TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thanh Nga